

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2019/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2019

THÔNG TƯ

Quy định công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (Nghị định số 91/2017/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công tác đảng và công tác chính trị;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tổ chức thi đua, danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; nguyên tắc, hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng; Hội đồng thi đua, khen thưởng; thẩm quyền quyết định, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng; quỹ thi đua khen thưởng, tiền thưởng và tổ chức trao thưởng trong Công an nhân dân.

Điều 2. Những trường hợp chưa được xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Chưa xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc các trường hợp sau:

a) Đang trong thời gian chờ xét kỷ luật;

b) Đã bị kỷ luật nhưng chưa hết thời hạn thi hành kỷ luật;

c) Đang trong thời gian thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc đang có đơn thư khiếu nại, tố cáo phải xác

minh, làm rõ. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận không vi phạm thì được xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng.

2. Thời gian rà soát tình trạng đơn thư và kết quả thanh tra, kiểm tra để xét danh tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện như sau:

a) Đối với danh hiệu thi đua: 07 năm đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; 03 năm đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân; 01 năm đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

b) Đối với khen thưởng đột xuất, chuyên đề (hoặc đợt thi đua): 01 năm.

c) Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được: 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc; 10 năm đối với Huân chương Quân công; 15 năm đối với Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Sao vàng.

d) Đối với khen thưởng quá trình cống hiến: rà soát trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo chỉ huy.

Mốc thời gian rà soát quy định tại Khoản này tính từ thời điểm đề nghị xét tặng thi đua, khen thưởng trở về trước.

Điều 3. Sáng kiến để xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân

1. Sáng kiến để xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, công nhân, hợp đồng lao động trong Công an nhân dân được áp dụng trên thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

2. Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, công nhận sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc hoặc trong lực lượng Công an nhân dân. Thủ trưởng Công an các cấp công nhận sáng kiến áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cấp mình quản lý.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU

VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Phong trào thi đua trong Công an nhân dân

1. Phong trào thi đua trong Công an nhân dân gồm phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” và các phong trào thi đua khác.

2. Phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc”

a) Phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” được Bộ Công an tổ chức thường xuyên hằng năm nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của lực lượng Công an nhân dân;

b) Phong trào thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) trong Công an nhân dân phải gắn với phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” nhằm thực hiện tốt phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc”.

3. Lực lượng Công an nhân dân hưởng ứng, tổ chức phát động các phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động, các phong trào thi đua nhằm phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua trong Công an nhân dân

1. Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức phát động phong trào thi đua trong toàn lực lượng Công an nhân dân.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Công an phát động.

3. Cục Công tác đảng và công tác chính trị có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công an thống nhất quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện phong trào thi đua trong toàn lực lượng Công an nhân dân. Phòng thực hiện chức năng công tác chính trị của đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Phòng Công tác đảng và công tác chính trị của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tham mưu giúp Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thống nhất quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện phong trào thi đua trong Công an đơn vị, địa phương đó.

4. Cơ quan truyền thông trong Công an nhân dân có trách nhiệm tuyên truyền về các phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Tổ chức phong trào thi đua trong Công an nhân dân

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức phong trào thi đua

a) Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua phải xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, yêu cầu, chủ đề, phạm vi, đối tượng, thời gian thi đua; chỉ tiêu đề ra phải cao hơn mức bình thường để từng tập thể, cá nhân nỗ lực, tích cực phấn đấu hoàn thành;

b) Nội dung thi đua phải nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của Công an các đơn vị, địa phương và gắn với các phong trào thi đua khác; bảo đảm thiết

thực, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương và khả năng tham gia của cán bộ, chiến sĩ;

c) Biện pháp thực hiện phong trào thi đua phải cụ thể, thiết thực; chú trọng công tác tuyên truyền, cổ vũ, động viên cán bộ, chiến sĩ phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác tham gia;

d) Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua phải ghi rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian sơ kết, thời gian tổng kết, báo cáo kết quả tổ chức phong trào thi đua.

2. Tổ chức lễ phát động phong trào thi đua

a) Bộ trưởng Bộ Công an phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong toàn lực lượng Công an nhân dân;

b) Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phát động, chỉ đạo phong trào thi đua ở Công an đơn vị, địa phương do mình phụ trách;

c) Nội dung, chương trình buổi lễ phát động phong trào thi đua bao gồm: Chào cờ Tổ quốc; tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; quán triệt nội dung kế hoạch phát động phong trào thi đua; phát biểu hưởng ứng thi đua của đại diện một hoặc một số đơn vị; ký kết giao ước thi đua giữa các đơn vị tham gia (nếu có); phát biểu của thủ trưởng đơn vị; kết thúc buổi lễ;

d) Việc tổ chức lễ phát động thi đua có thể tổ chức riêng hoặc kết hợp với hội nghị, hoạt động khác của lực lượng Công an nhân dân.

3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phong trào thi đua

Phong trào thi đua phải được thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện. Chú trọng công tác chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm, tìm ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua.

4. Phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến

Điển hình tiên tiến là những tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc, có tính tiêu biểu, sáng tạo trong phong trào thi đua. Phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến là phương pháp thi đua quan trọng trong các biện pháp và hình thức tổ chức thi đua. Trong các phong trào thi đua, Công an các đơn vị, địa phương xác định điển hình tiên tiến, tổng kết những bài học kinh nghiệm của điển hình tiên tiến, đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến, tổ chức học tập, đua kịp và vượt điển hình tiên tiến.

5. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua

a) Sơ kết phong trào thi đua được tổ chức định kỳ 3 tháng, 6 tháng hoặc theo từng đợt thi đua, thực hiện việc sơ kết bảo đảm nghiêm túc, sâu sắc, khách quan, toàn diện;

b) Tổng kết, đánh giá kết quả thi đua hằng năm bảo đảm nghiêm túc, sâu sắc, khách quan, toàn diện, làm rõ những kết quả đạt được, những mô hình, cách làm hiệu quả, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; việc kiểm tra, chấm điểm, bình xét, suy tôn những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua phải bảo đảm khách quan, chính xác.

c) Khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, Công an các đơn vị, địa phương lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 7. Xét tặng danh hiệu thi đua

1. Chỉ xét tặng các danh hiệu thi đua quy định tại Thông tư này cho các tập thể, cá nhân có tham gia thi đua và có thành tích khi tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” hằng năm.

2. Việc xét tặng danh hiệu thi đua được thực hiện công khai, dân chủ, bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn, tỷ lệ quy định.

3. Không xét tặng danh hiệu thi đua đối với các trường hợp sau:

a) Tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua;

b) Đơn vị mới thành lập tính đến thời điểm tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” chưa đủ 10 tháng hoạt động;

c) Cá nhân công tác liên tục chưa đủ 10 tháng trong năm, trừ trường hợp đặc thù quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

4. Khi tính số lượng tập thể, cá nhân để xét tặng danh hiệu thi đua theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Thông tư này, trường hợp là số thập phân thì làm tròn như sau:

a) Nếu chữ số thứ nhất thuộc phần thập phân từ 5 trở lên thì cộng thêm 1 vào phần nguyên. Ví dụ: 50% của 5 là 2,5 thì làm tròn thành 3;

b) Nếu chữ số thứ nhất thuộc phần thập phân nhỏ hơn 5 thì giữ nguyên phần nguyên. Ví dụ: 40% của 3 là 1,2 thì làm tròn thành 1.

Điều 8. Đối tượng xét tặng danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân: Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân, công nhân công an, lao động hợp đồng trong Công an nhân dân.

2. Đối với tập thể

a) Bộ Tư lệnh, cục và đơn vị tương đương; học viện, trường Công an nhân dân; Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh);

b) Phòng, khoa, trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng và đơn vị tương đương; Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; trung đoàn, tiểu đoàn trực thuộc cục; doanh nghiệp Công an nhân dân (sau đây gọi chung là đơn vị cơ sở);

c) Công an phường, thị trấn; Công an xã đã bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã; đồn Công an, phân trại giam, phân khu cơ sở giáo dục bắt buộc, tiểu đoàn, đại đội trực thuộc đơn vị cơ sở, ban, đội và đơn vị tương đương (sau đây gọi chung là đơn vị trực thuộc cơ sở).

3. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ, công đoàn thực hiện việc xét tặng danh hiệu thi đua theo quy định của cơ quan trung ương của các tổ chức này.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho công nhân Công an, lao động hợp đồng trong Công an nhân dân, danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” được xét tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đạt năng suất, chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh nội vụ Công an nhân dân; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến” phải có ý kiến đồng ý của thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp quyết định đạt từ 80% trở lên.

3. Số lượng cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến” tối đa không quá 80% tổng số cá nhân đủ điều kiện tham gia bình xét danh hiệu thi đua của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân tiêu biểu, xuất sắc lựa chọn trong số cá nhân đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến” và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có sáng kiến được thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh trở lên công nhận;
- b) Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên đã nghiệm thu, được áp dụng hiệu quả tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc chủ trì xây dựng đề án, dự án, văn bản quy phạm pháp luật hoàn thành vượt tiến độ, được áp dụng hiệu quả;

c) Có giấy khen của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh hoặc giấy khen của Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên về thành tích đột xuất, thành tích chuyên đề hoặc thành tích trong các đợt thi đua.

2. Cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải có số phiếu tín nhiệm của thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp quyết định đạt từ 80% trở lên.

3. Số lượng cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và trong thời gian đó đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có sáng kiến được Bộ trưởng Bộ Công an công nhận;

b) Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ trở lên đã nghiệm thu được áp dụng hiệu quả hoặc chủ trì xây dựng đề án, dự án cấp Bộ trở lên, văn bản thuộc Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công an hoàn thành vượt tiến độ, được áp dụng hiệu quả;

c) Có Huân chương hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc có 03 Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương trở lên, trong đó phải có 02 Bằng khen của Bộ Công an (không tính khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được);

d) Có 03 giải thưởng cấp bộ hoặc 03 huy chương vàng tại các hội thi, hội thao, hội diễn toàn lực lượng Công an nhân dân trở lên.

2. Cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” phải có ý kiến đồng ý của thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp quyết định đạt từ 90% trở lên.

3. Số lượng “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” được xét tặng tối đa không quá 0,5% quân số của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh (đối với đơn vị có quân số ít hơn 200 thì số lượng không quá 01).

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” và trong thời gian đó đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có sáng kiến được áp dụng trong thực tiễn đạt hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc được Bộ trưởng Bộ Công an công nhận;

b) Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ trở lên đã nghiệm thu được áp dụng hiệu quả trong toàn quốc hoặc chủ trì xây dựng đề án, dự án cấp Bộ trở lên, văn bản thuộc Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội hoàn thành vượt tiến độ, được áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc;

c) Mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được tặng thưởng Huân chương Quân công, Huân chương Dũng cảm, Huân chương Chiến công, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động về thành tích đột xuất.

2. Cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải có ý kiến đồng ý của thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp đạt từ 90% trở lên.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được đề nghị xét tặng vào năm liền kề với năm có quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” lần thứ hai.

Điều 13. Xét tặng danh hiệu thi đua trong một số trường hợp đặc thù

1. Những trường hợp thời gian công tác không đủ 10 tháng trong năm được xét tặng danh hiệu thi đua:

a) Cá nhân nghỉ chế độ thai sản theo quy định;

b) Cá nhân bị thương khi làm nhiệm vụ phải nghỉ việc để điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế cấp huyện trở lên;

c) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu thi đua. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”.

2. Học viên các học viện, trường Công an nhân dân thực hiện việc xếp loại kết quả học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đối với học viên xếp loại Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình khá phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật, điều lệnh nội vụ, các quy trình và chế độ công tác;

b) Có đạo đức, lối sống lành mạnh, tích cực tham gia phong trào thi đua.

3. Học viên các học viện, trường Công an nhân dân ra trường về công tác tại đơn vị mới thực hiện bình xét danh hiệu thi đua trên cơ sở kết quả tốt nghiệp và thời gian công tác tại đơn vị mới.

4. Lao động hợp đồng được xét tặng danh hiệu thi đua nếu có thời gian công tác liên tục trong Công an nhân dân từ 10 tháng trở lên.

5. Chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được xét tặng danh hiệu thi đua hằng năm nếu đủ thời gian công tác liên tục từ 10 tháng trở lên, không phụ thuộc vào thời điểm xét thi đua của lực lượng chính quy, bảo đảm nguyên tắc: số lượng “Chiến sĩ tiên tiến” không quá 80% tổng số chiến sĩ nghĩa vụ đủ điều kiện tham gia bình xét danh hiệu thi đua; số lượng “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số “Chiến sĩ tiên tiến”.

6. Đối với các cá nhân được cử đến công tác có thời hạn hoặc biệt phái tại cơ quan, tổ chức ngoài Công an nhân dân thì việc xét tặng danh hiệu thi đua phải có nhận xét, đánh giá của đơn vị được cử đến công tác hoặc nhận biệt phái trừ trường hợp cần giữ bí mật.

Điều 14. Danh hiệu thi đua đối với lãnh đạo, chỉ huy Công an các cấp

Khi xét tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân là lãnh đạo, chỉ huy Công an các cấp phải căn cứ vào tiêu chuẩn chung quy định tại các Điều 9, Điều 10 Thông tư này và căn cứ kết quả tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” của đơn vị do cá nhân đó trực tiếp phụ trách như sau:

1. Đối với lãnh đạo đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh

a) Đơn vị được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”: không quá 70% lãnh đạo đơn vị được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Đơn vị được tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an”: không quá 50% lãnh đạo đơn vị được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

c) Đơn vị được tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an”: tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho đồng chí lãnh đạo phụ trách lĩnh vực công tác có thành tích được khen thưởng, nếu cá nhân đồng chí đó đủ tiêu chuẩn;

d) Đơn vị không có danh hiệu thi đua và không được khen thưởng: không tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho lãnh đạo đơn vị.

2. Đối với lãnh đạo đơn vị cơ sở

a) Đơn vị được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”: không quá 70% lãnh đạo đơn vị được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Đơn vị được tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an”: không quá 50% lãnh đạo đơn vị được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

c) Đơn vị được tặng danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc”: không quá 40% lãnh đạo đơn vị được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

d) Đơn vị được tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”: không quá 01 đồng chí lãnh đạo tiêu biểu nhất để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

đ) Đơn vị không đạt danh hiệu thi đua: không được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho lãnh đạo đơn vị.

3. Đối với lãnh đạo đơn vị trực thuộc cơ sở

a) Đơn vị được tặng danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc”: không quá 50% lãnh đạo đơn vị được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Đơn vị được tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”: lựa chọn 1 đồng chí lãnh đạo tiêu biểu nhất để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

c) Đơn vị không đạt danh hiệu thi đua: lãnh đạo đơn vị không được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

4. Tỷ lệ “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đối với lãnh đạo, chỉ huy quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này nằm trong tỷ lệ chung của đơn vị.

Điều 15. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng cho đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong đơn vị đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”, không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức Cảnh cáo trở lên (đối với những đơn vị có quân số đông, quy mô lớn do Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định);

d) Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, trong sạch, vững mạnh.

2. Tập thể được tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến” phải có ý kiến đồng ý của thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp quyết định đạt từ 80% trở lên.

3. Số lượng đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến” không quá 80% tổng số đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

Điều 16. Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng cho đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trong công tác, chiến đấu luôn sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả, có cá nhân được biểu dương khen thưởng;

c) Có 100% cá nhân trong đơn vị hoàn thành công việc được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”; có cá nhân đạt tiêu chuẩn “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên (đối với những đơn vị có quân số đông, quy mô lớn do Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định);

d) Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, trong sạch, vững mạnh.

2. Tập thể được tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc” phải có ý kiến đồng ý của thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp quyết định đạt từ 80% trở lên.

3. Số lượng đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở được xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” như sau:

a) Đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”: số lượng “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc” được tặng không quá 70% tổng số “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến” của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

b) Đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh được tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an”: số lượng “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 60% tổng số “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến” của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

c) Đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an trong tổng kết năm: số lượng “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 50% tổng số “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến” của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

d) Đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh không được tặng danh hiệu thi đua hoặc khen thưởng trong tổng kết năm: số lượng “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc” được tặng không quá 40% tổng số “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến” của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

• **Điều 17. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an”**

1. Đối với đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh

a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an” tặng cho đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

- Có thành tích xuất sắc nổi trội được đánh giá, bình xét qua hoạt động của cụm, khối thi đua;

- Có nhiều phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới, điển hình tiên tiến tiêu biểu cho các đơn vị trong cụm, khối thi đua học tập; có nhiều tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng;

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động; nội bộ đoàn kết, thống nhất, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng.

b) Mỗi cụm thi đua đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an” không quá 50% số đơn vị trong cụm.

2. Đối với đơn vị cơ sở

a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an” tặng cho đơn vị cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là đơn vị tiêu biểu, xuất sắc được lựa chọn trong số những đơn vị cơ sở đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc”;

- Dẫn đầu về năng suất, chất lượng, hiệu quả các mặt công tác, chiến đấu, xây dựng lực lượng so với các đơn vị trong khối thi đua;

- Có nhiều phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả; có nhiều điển hình tiên tiến; nhiều tập thể, cá nhân lập thành tích được biểu dương, khen thưởng;

- Có 100% cá nhân trong đơn vị hoàn thành công việc được giao, trong đó có ít nhất 80% cá nhân đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”; có cá nhân đạt tiêu chuẩn “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật.

b) Mỗi khối thi đua đơn vị cơ sở được xét tặng 01 Cờ, khối có từ 15 đơn vị cơ sở trở lên được xét tặng 02 Cờ. Công an các đơn vị, địa phương thực hiện việc chia khối thi đua theo hướng dẫn của Bộ Công an phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức trong từng giai đoạn.

3. Tập thể được tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an” phải có ý kiến đồng ý của thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp quyết định đạt từ 80% trở lên.

Điều 18. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Đối với đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh

a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được đề nghị tặng cho đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là đơn vị tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số các đơn vị đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua của Bộ Công an”;
- Dẫn đầu về năng suất, chất lượng, hiệu quả các mặt công tác, chiến đấu, xây dựng lực lượng so với các đơn vị trong cụm thi đua;
- Có nhiều phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả; xây dựng được nhiều nhân tố mới, mô hình mới, nhiều điển hình tiên tiến tiêu biểu cho toàn lực lượng Công an nhân dân học tập; có nhiều tập thể, cá nhân lập thành tích được biểu dương, khen thưởng;
- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động; nội bộ đoàn kết, thống nhất, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng.

b) Mỗi cụm thi đua cấp Cục, Công an cấp tỉnh được lựa chọn 01 đơn vị có thành tích xuất sắc nhất trong số những đơn vị đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an” để đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

2. Đối với đơn vị cơ sở

a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được đề nghị tặng cho đơn vị cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là đơn vị tiêu biểu, xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các đơn vị cơ sở đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua của Bộ Công an”;
- Dẫn đầu về năng suất, chất lượng, hiệu quả các mặt công tác, chiến đấu, xây dựng lực lượng trong toàn đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;
- Có 100% cá nhân trong đơn vị hoàn thành công việc được giao, trong đó có ít nhất 80% cá nhân đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”; có cá nhân đạt tiêu chuẩn “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật;
- Có nhiều phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả; xây dựng được nhiều nhân tố mới, mô hình mới, nhiều điển hình tiên tiến tiêu biểu cho toàn lực lượng Công an nhân dân học tập.

b) Mỗi đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh được lựa chọn một đơn vị cơ sở xuất sắc nhất dẫn đầu trong số các đơn vị cơ sở đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua của Bộ Công an” để đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

3. Tập thể được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” phải có số phiếu tín nhiệm của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an đạt từ 80% trở lên.

4. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an có trách nhiệm thẩm định thành tích, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an xét chọn, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số đơn vị đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an”.

Chương III **NGUYÊN TẮC, HÌNH THỨC,** **ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

Điều 19. Nguyên tắc khen thưởng

1. Khen thưởng phải phù hợp với tính chất từng loại thành tích, tương xứng với kết quả đạt được hoặc mức độ công lao, đóng góp, cống hiến của từng tập thể, cá nhân.

2. Thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng hoặc lập được thành tích trong điều kiện khó khăn, phức tạp thì được khen thưởng ở mức hạng cao hơn.

3. Đối với khen thưởng chuyên đề hoặc theo đợt thi đua

a) Cấp nào phát động thi đua hoặc chủ trì thực hiện chuyên đề thì cấp đó khen thưởng bằng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của cấp mình;

b) Trường hợp thành tích xuất sắc, tiêu biểu có ảnh hưởng đối với toàn lực lượng và có chủ trương khen thưởng của lãnh đạo Bộ Công an mới đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an;

c) Chỉ đề nghị “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng ba hoặc “Huân chương Lao động” hạng ba khi tổng kết các chuyên đề công tác lớn, có thời gian thực hiện từ 03 đến 05 năm và phải có chủ trương, hướng dẫn của Ban Thi đua, khen thưởng Trung ương;

d) Ưu tiên khen thưởng cho tập thể nhỏ (cấp phòng, cấp đội) và cán bộ, chiến sĩ không giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, trực tiếp chiến đấu, lao động, học tập. Không đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an cho đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Đối với khen thưởng đột xuất

a) Tập thể, cá nhân đạt thành tích ở mức nào thì đề nghị khen thưởng ở mức đó; khi đề nghị cùng một mức khen thưởng, thành tích của lãnh đạo, chỉ

huy phải cao hơn thành tích của cán bộ, chiến sĩ; không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng thấp mới được khen thưởng hình thức cao;

b) Trong một vụ, việc, khen thưởng cho lãnh đạo, chỉ huy phải ít hơn khen thưởng cho cán bộ, chiến sĩ. Chỉ khen thưởng cấp Nhà nước cho lãnh đạo, chỉ huy khi đơn vị do đồng chí đó trực tiếp phụ trách nội bộ đoàn kết, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (đạt từ danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” trở lên) trước và trong thời điểm đề nghị khen thưởng.

c) Không cộng dồn các vụ việc, chuyên án để tính thành tích đề nghị khen thưởng đột xuất;

d) Chỉ đề nghị khen thưởng cho tập thể nếu có trên 50% đơn vị trực thuộc hoặc có trên 50% quân số của tập thể tham gia lập thành tích.

5. Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được

a) Chỉ sử dụng hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được ở mức thấp làm căn cứ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được ở mức cao;

b) Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

6. Đối với khen thưởng quá trình cống hiến

a) Mỗi cán bộ lãnh đạo, chỉ huy được xét khen thưởng thành tích quá trình cống hiến một lần vào thời điểm trước khi nghỉ chờ chế độ hưu trí 06 tháng. Nếu tại thời điểm trước 06 tháng nghỉ công tác chưa đủ số năm theo quy định thì phải chờ đến thời điểm nghỉ chế độ hưu trí, nếu đủ tiêu chuẩn mới đề nghị;

b) Thời gian nghỉ chờ hưu của cá nhân được tính vào thời gian công tác và thời gian giữ chức vụ;

c) Đối với cán bộ lãnh đạo, chỉ huy là nữ, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 so với quy định chung.

Điều 20. Hình thức, đối tượng khen thưởng trong Công an nhân dân

1. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân công tác trong lực lượng Công an nhân dân đủ 10 năm, 15 năm, 20 năm và 25 năm trở lên.

2. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân là lãnh đạo, chỉ huy cấp phòng trở lên có thời gian công tác, cống hiến trong lực lượng Công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

3. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là khen thưởng cho tập thể, cá nhân trong lực lượng Công an nhân dân có thành tích trong

phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” liên tục trong thời gian 02 năm trở lên.

4. Khen thưởng chuyên đề là khen thưởng cho tập thể, cá nhân trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân có thành tích khi sơ kết, tổng kết một chuyên đề công tác.

5. Khen thưởng theo đợt thi đua là khen thưởng cho tập thể, cá nhân trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân có thành tích khi sơ kết, tổng kết một đợt thi đua.

6. Khen thưởng thành tích đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân (bao gồm cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài đang công tác tại Việt Nam hoặc công tác tại nước ngoài) có thành tích xuất sắc, đột xuất trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

7. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng của nhà nước Việt Nam đối với tập thể, cá nhân nước ngoài có thành tích trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc khen thưởng của nước ngoài đối với các tập thể, cá nhân thuộc lực lượng Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 21. Tiêu chuẩn Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho tập thể, cá nhân trong Công an nhân dân

1. “Huân chương Sao vàng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 34 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, Khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 14 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 35 Luật Thi đua, khen thưởng, Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 15 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. “Huân chương Độc lập” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 12, 13 và 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và các điều 16, 17 và 18 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. “Huân chương Quân công” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 15, 16 và 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và các điều 19, 20 và 21 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

5. “Huân chương Lao động” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng Tổ quốc, đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 18, 19 và 20

Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và các điều 22, 23 và 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

6. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có thành tích trong huấn luyện, xây dựng lực lượng củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 21, 22 và 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và các điều 25, 26 và 27 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

7. “Huân chương Chiến công” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, Công an xã, các tầng lớp nhân dân, tặng cho tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và các điều 28, 29 và 30 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

8. “Huân chương Dũng cảm” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có hành động dũng cảm trong công tác, chiến đấu, cứu người, cứu tài sản của nhà nước, của nhân dân, xung phong vào nơi dịch bệnh nguy hiểm để cứu người, dũng cảm trong phòng, chống tham nhũng, đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 50 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 32 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

9. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 30 và 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013.

10. “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an có thời gian công tác, cống hiến liên tục trong lực lượng Công an nhân dân theo quy định tại các khoản 27 và 28 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013, các điều 34 và 35 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương nơi cư trú hoặc cơ quan, đơn vị nơi cá nhân đã chuyển ngành sang công tác;

b) Không bị kỷ luật khai trừ Đảng (hoặc bị khai trừ Đảng nhưng đã được kết nạp lại), bị buộc thôi việc, bị tước danh hiệu Công an nhân dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

11. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể và cá nhân gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

nước, đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 22. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an

1. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an” để tặng cho cá nhân gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Công an và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết các đợt thi đua do Bộ Công an phát động hoặc các chuyên đề công tác có phạm vi thực hiện trong toàn lực lượng Công an nhân dân;

b) Lập được thành tích xuất sắc, đột xuất có phạm vi ảnh hưởng đến một hoặc nhiều lĩnh vực công tác Công an;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an” để tặng cho tập thể gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Công an; nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong sơ kết, tổng kết các đợt thi đua do Bộ Công an phát động hoặc các chuyên đề công tác có phạm vi thực hiện trong toàn lực lượng Công an nhân dân;

b) Lập được thành tích xuất sắc, đột xuất có phạm vi ảnh hưởng đến một hoặc nhiều lĩnh vực công tác Công an;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tặng danh hiệu thi đua từ “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc” trở lên, tổ chức tốt các phong trào thi đua, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

3. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an” để tặng cho đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh trong tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” hàng năm đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Thực hiện nghiêm túc các phong trào thi đua, các cuộc vận động, hoàn thành tốt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Có thành tích xuất sắc, nổi trội trên một hoặc một số mặt công tác;

c) Nội bộ đoàn kết, thống nhất, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng; không có cán bộ vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định của Bộ Công an gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín của lực lượng Công an nhân dân.

4. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an” để tặng cho các tập thể Công an xã chưa tổ chức Công an chính quy; Ban bảo vệ dân phố; tập thể nhân dân, cán bộ xã, phường, thị trấn; tập thể cán bộ, công nhân viên cơ quan, doanh nghiệp cấp cơ sở có thành tích trong tổng kết chuyên đề toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hàng năm, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu thi đua, các chương trình, kế hoạch công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự; có lực lượng nòng cốt làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự vững mạnh (đạt danh hiệu từ “Đơn vị tiên tiến” trở lên); là tập thể tiêu biểu của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc khối cơ quan, doanh nghiệp trung ương về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

b) Thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp; hoàn thành các kế hoạch sản xuất, kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, hiệu suất công tác cao;

c) Tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch vững mạnh, nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, chống buôn lậu và các tệ nạn xã hội có hiệu quả thiết thực.

Điều 23. Giấy khen

1. Giấy khen của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân trong Công an nhân dân lập được thành tích xuất sắc trong các đợt thi đua, các chuyên đề công tác hoặc hoàn thành xuất sắc, vượt tiến độ một hạng mục công trình, một phần việc hoặc lập thành tích đột xuất trong công tác, chiến đấu, lao động, học tập có phạm vi ảnh hưởng ở đơn vị cơ sở hoặc tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích trong sơ kết, tổng kết chuyên đề hoặc thành tích đột xuất trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Căn cứ quy định của pháp luật về khen thưởng và đặc thù đơn vị, Thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh quy định tiêu chuẩn tặng Giấy khen.

Điều 24. Kỷ niệm chương “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”

Kỷ niệm chương “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” để tặng cho cá nhân không thuộc lực lượng Công an nhân dân có nhiều đóng góp trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân hoặc để tặng cho cá nhân có thời gian công tác trong lực lượng Công an nhân dân không đủ số năm để được tặng thưởng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba”.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 25. Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an là cơ quan tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an về công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an.

2. Thành phần Hội đồng:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng Bộ Công an phụ trách Cục Công tác đảng và công tác chính trị;

c) Ủy viên Hội đồng gồm: các Thứ trưởng Bộ Công an; Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Công tác đảng và công tác chính trị (Ủy viên thường trực); Trưởng phòng Phòng Thi đua, khen thưởng Cục Công tác đảng và công tác chính trị (Ủy viên thư ký).

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

a) Xây dựng các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong Công an nhân dân;

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân;

c) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong Công an nhân dân;

d) Tham mưu Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

4. Cơ quan giúp việc của Hội đồng:

a) Cục Công tác đảng và công tác chính trị là Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an, có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công an thống nhất quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác khen thưởng trong toàn lực lượng Công an nhân dân;

b) Phòng Thi đua, khen thưởng thuộc Cục Công tác đảng và công tác chính trị là cơ quan chuyên trách, giúp việc Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an;

c) Các cơ quan: Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương, Thanh tra Bộ, Cục Tổ chức cán bộ có trách nhiệm rà soát, cung cấp thông tin về kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; kết luận thanh tra, kiểm tra và thông tin về

tình trạng vi phạm kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng;

d) Các đơn vị cấp Cục chịu trách nhiệm nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện công tác chuyên môn đối với các tập thể, cá nhân để phục vụ công tác thi đua, khen thưởng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công hoặc theo yêu cầu của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an.

Điều 26. Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục là cơ quan tham mưu cho Thường vụ Đảng ủy và Thủ trưởng đơn vị cấp Cục về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị. Thủ trưởng đơn vị cấp Cục quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục.

2. Thành phần Hội đồng:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Bí thư Đảng ủy đơn vị;

c) Ủy viên Hội đồng gồm các Phó thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Trưởng phòng Tổng hợp (hoặc thủ trưởng đơn vị cấp Phòng có chức năng làm công tác thi đua khen thưởng của Cục) và các ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

a) Xây dựng các chủ trương, biện pháp về phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong đơn vị cấp Cục;

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác thi đua, khen thưởng trong đơn vị cấp Cục;

c) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong đơn vị cấp Cục;

d) Tham mưu Thủ trưởng đơn vị cấp Cục quyết định việc tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

4. Phòng Tổng hợp (hoặc đơn vị làm công tác thi đua, khen thưởng) là cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp Cục, có trách nhiệm tham mưu giúp Thủ trưởng đơn vị cấp Cục thống nhất quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác khen thưởng trong đơn vị cấp Cục.

Điều 27. Hội đồng Thi đua, khen thưởng Công an cấp tỉnh

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng Công an cấp tỉnh là cơ quan tham mưu cho Thường vụ Đảng ủy và Giám đốc Công an cấp tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Giám đốc Công an cấp

tỉnh quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Công an cấp tỉnh.

2. Thành phần Hội đồng:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Công an cấp tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Giám đốc phụ trách Phòng Công tác đảng và công tác chính trị;

c) Ủy viên Hội đồng là các Phó Giám đốc, Trưởng phòng Phòng Công tác đảng và công tác chính trị và các ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

a) Xây dựng các chủ trương, biện pháp về phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác thi đua, khen thưởng trong Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

d) Tham mưu Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định việc tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

4. Phòng Công tác đảng và công tác chính trị là cơ quan Thường trực Hội đồng, có trách nhiệm tham mưu giúp Giám đốc Công an cấp tỉnh thống nhất quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác khen thưởng trong Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 28. Cụm thi đua

1. Căn cứ vào vị trí địa lý, chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, phạm vi hoạt động, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập các cụm thi đua trực thuộc Bộ Công an gồm các đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh, các học viện, trường Công an nhân dân.

2. Nhiệm vụ của cụm thi đua:

a) Xây dựng quy chế hoạt động của cụm thi đua;

b) Tổ chức phát động, ký giao ước thi đua; đề ra các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện phong trào thi đua của cụm thi đua;

c) Kiểm tra, đánh giá hiệu quả, tác dụng của phong trào thi đua, chấm điểm, xếp loại các đơn vị trong cụm thi đua theo tiêu chí và thang điểm thi đua do Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an ban hành;

d) Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hàng năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổ chức phong trào thi đua của cụm thi đua trong những năm tiếp theo; chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng các mô hình mới, các điển hình tiên tiến để nhân rộng trong cụm thi đua;

đ) Tổ chức bình chọn, suy tôn tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong cụm thi đua để đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Bộ Công an” và các hình thức khen thưởng khác.

3. Thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của các cụm thi đua cấp cơ sở.

Chương V

THẨM QUYỀN, TUYỂN TRÌNH, HỒ SƠ THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 29. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước thực hiện theo quy định tại các điều 77 và 78 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, các khoản 45 và 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013.

2. Thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong Công an nhân dân được thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an”, “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an”, Kỷ niệm chương “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”;

b) Thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, Giấy khen cho các tập thể, cá nhân trong đơn vị và Giấy khen cho các tập thể, cá nhân khác có thành tích trong lĩnh vực công tác phụ trách;

c) Thủ trưởng Bộ Công an phụ trách Cục Công tác đảng và công tác chính trị quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến” cho lãnh đạo đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

Điều 30. Tuyển trình

1. Tuyển trình khen thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Công an đơn vị, địa phương khi đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định từ cấp Bộ trở lên phải lập hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Công an theo tuyến trình sau:

a) Đối với hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân trong lực lượng Công an nhân dân trình Bộ trưởng Bộ Công an (qua Cục Công tác đảng và công tác chính trị) xét, quyết định;

b) Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” gửi Cục Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tập hợp, trình Bộ trưởng Bộ Công an (qua Cục Công tác đảng và công tác chính trị) xét, quyết định.

3. Khen thưởng đối ngoại

a) Công an đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng đối ngoại hoặc đón nhận hình thức khen thưởng đối ngoại phải báo cáo xin chủ trương khen thưởng của lãnh đạo Bộ Công an;

b) Cục Công tác đảng và công tác chính trị chủ trì, phối hợp Cục Đối ngoại thẩm định thành tích, thực hiện các thủ tục khen đối ngoại theo quy định sau khi đã có chủ trương của lãnh đạo Bộ Công an đồng ý khen thưởng;

c) Trường hợp khen thưởng đối ngoại theo chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an do Cục Đối ngoại chủ trì, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng.

4. Tuyến trình khen thưởng các tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thực hiện theo nguyên tắc nơi trực tiếp quản lý về tổ chức, cán bộ và quỹ lương có trách nhiệm xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Các tập thể, cá nhân thuộc lực lượng Công an nhân dân khi đề nghị các hình thức khen thưởng của Bộ Công an và đề nghị các ban, bộ, ngành Trung ương khen thưởng phải báo cáo qua Cục Công tác đảng và công tác chính trị để được hướng dẫn, kiểm tra, giám sát.

6. Cục Công tác đảng và công tác chính trị chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan hướng dẫn việc xét tặng các danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú theo quy định của Chính phủ và đặc thù của lực lượng Công an nhân dân, đảm bảo nguyên tắc Hội đồng chuyên ngành cấp cơ sở xét chọn, đề nghị Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an thẩm định, báo cáo Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ xét duyệt, trình Hội đồng cấp Nhà nước quyết định.

Điều 31. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm báo cáo thành tích theo mẫu báo cáo thành tích ban hành kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Báo cáo thành tích của tập thể phải có xác nhận của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và của cấp trình khen thưởng. Báo cáo thành tích của cá nhân phải có xác nhận của cấp quản lý trực tiếp và cấp trình khen thưởng.

3. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi lập hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho đơn vị hoặc lãnh đạo đơn vị phải có văn bản của cơ quan tài chính xác nhận các nội dung sau:

a) Số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;

b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;

c) Đã nộp đủ, đúng thời hạn, đúng loại thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

4. Đối với những trường hợp truy tặng, cơ quan chính trị cấp trình Bộ trưởng phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý cá nhân để làm báo cáo thành tích và các hồ sơ, thủ tục khác đề nghị khen thưởng theo quy định.

5. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải là bản chính, có xác nhận của cấp trình Bộ trưởng Bộ Công an, số lượng như sau:

a) Hồ sơ đề nghị tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an”, “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an” gồm 2 bộ;

b) Hồ sơ đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” gồm 3 bộ;

c) Hồ sơ đề nghị tặng Huân chương, Huy chương gồm 4 bộ;

d) Hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” gồm 5 bộ.

Điều 32. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho lãnh đạo các cấp

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho lãnh đạo đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh gồm:

1. Tờ trình kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

2. Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

3. Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

Điều 33. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân”

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” gồm:

1. Tờ trình kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

2. Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

3. Trích ngang thành tích của các cá nhân có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

4. Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

5. Bản sao quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trong 3 năm đề nghị hoặc kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ hoặc các hình thức khen thưởng đã được tặng trong giai đoạn khen thưởng (Bằng khen, Huân chương, Huy chương Vàng, Giải thưởng và các hình thức khen thưởng tương đương khác).

Điều 34. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gồm:

1. Tờ trình kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

2. Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

3. Trích ngang thành tích của cá nhân có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

4. Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

5. Bản sao quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” 2 lần liên tiếp và kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ trở lên hoặc các hình thức khen thưởng đột xuất đã được tặng trong giai đoạn đề nghị (Huân chương Quân công, Huân chương Dũng cảm, Huân chương Chiến công, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động).

Điều 35. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an”

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an” cho đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an”;

b) Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

c) Báo cáo thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng;

d) Tóm tắt thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an” cho đơn vị cơ sở gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đơn vị cơ sở đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Bộ Công an” của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

c) Báo cáo thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

d) Tóm tắt thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng.

Điều 36. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”

Hồ sơ đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” gồm:

1. Tờ trình đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

2. Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

3. Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

4. Tóm tắt thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Điều 37. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an”

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an” cho đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh trong tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc hàng năm” gồm:

a) Tờ trình của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

c) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an” về thành tích công trạng, đột xuất, chuyên đề, đợt thi đua trong Công an nhân dân gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

b) Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an” về thành tích trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” gồm:

- a) Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;
- b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;
- c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

Điều 38. Hồ sơ, thủ tục đề nghị tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

Hồ sơ đề nghị tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” gồm:

1. Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.
2. Biên bản họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.
3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.
4. Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

Điều 39. Hồ sơ, thủ tục đề nghị tặng thưởng Huân chương

Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huân chương gồm:

1. Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.
2. Biên bản họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.
3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.
4. Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

Điều 40. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” gồm:

1. Tờ trình của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.
2. Văn bản đề nghị của cấp ủy Đảng cùng cấp.
3. Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

4. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

5. Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

Điều 41. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng Huy chương niên hạn

1. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huy chương niên hạn gồm:

- a) Tờ trình của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;
- b) Danh sách trích ngang của các cá nhân được đề nghị khen thưởng.

2. Hàng năm, Công an đơn vị, địa phương lập hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huy chương niên hạn một lần trước ngày 30/8.

Điều 42. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện đối với những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ cán bộ, chiến sĩ và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;
- b) Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc, đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;
- c) Chiến công, thành tích nổi bật.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm:

- a) Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng (ghi rõ trình theo thủ tục đơn giản);
- b) Bản tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng do cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp lập trong đó ghi rõ thành tích, công trạng được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 43. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng cấp bộ đối với thành tích có nội dung bí mật Nhà nước

1. Khen thưởng lực lượng cộng tác viên bí mật, trinh sát xã hội hóa, tình báo viên thuộc phương thức tình báo mật:

- a) Đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh trực tiếp báo cáo xin chủ trương đồng chí lãnh đạo Bộ Công an phụ trách lĩnh vực công tác chuyên môn về thành tích của các cá nhân và chịu trách nhiệm về tính chính xác của đề nghị khen thưởng;
- b) Sau khi có chủ trương đồng ý khen thưởng của lãnh đạo Bộ Công an, đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh có tờ trình gửi Bộ trưởng Bộ Công an (trong tờ trình chỉ nêu số lượng cá nhân được đề nghị khen thưởng, không gửi báo cáo thành tích và danh sách tên);

c) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an có trách nhiệm trình lãnh đạo Bộ Công an ký quyết định khen thưởng và gửi kèm Bằng khen hoặc Kỷ niệm chương cùng hiện vật khen thưởng cho Công an đơn vị, địa phương để hoàn tất việc khen thưởng.

2. Khen thưởng các chuyên án, vụ án có nội dung Tối mật, Tuyệt mật:

Đối với đề nghị khen thưởng này, tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng không phải viết báo cáo thành tích, hồ sơ khen thưởng gồm:

- a) Tờ trình của đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh;
- b) Bản tóm tắt thành tích ngắn gọn do đơn vị quản lý trực tiếp tập thể, cá nhân lập thành tích thực hiện, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, TIỀN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC TRAO THƯỞNG

Điều 44. Quỹ thi đua, khen thưởng và tiền thưởng

1. Việc lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại các điều 64, 65, 66 và 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tập thể, cá nhân được khen thưởng sẽ được nhận kèm theo tiền thưởng với mức tiền quy định tại Điều 69 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài được khen thưởng, được tặng kèm theo tặng phẩm lưu niệm tương ứng (không kèm theo tiền thưởng).

Điều 45. Các chế độ, chính sách khác

Cá nhân được tặng thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân”, ngoài việc được khen thưởng theo quy định còn được hưởng các quyền lợi khác như sau:

1. Các trường hợp được thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương trước niên hạn thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Công an gồm:

a) Được phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” thì được đề nghị xét thăng 1 cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương vượt bậc;

b) Được tặng thưởng “Huân chương Quân công” thì được đề nghị xét thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương trước niên hạn 02 năm;

c) Được tặng thưởng “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Chiến công”, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc”, “Huân chương Lao động” hoặc được

phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” thì được đề nghị xét thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương trước niên hạn 01 năm.

2. Trường hợp trong niên hạn được tặng nhiều danh hiệu, hình thức khen thưởng thì chỉ thực hiện một mức ưu tiên quy định cao nhất. Nếu năm được khen thưởng cũng là năm đến niên hạn thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương thì được xem xét vào niên hạn tiếp theo. Những trường hợp đã hết trần thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương thì được ưu tiên đi nghỉ dưỡng.

3. Ngoài các quyền lợi trên, cá nhân được khen thưởng còn được ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong nước hoặc nước ngoài phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ đang công tác.

Điều 46. Tổ chức trao thưởng

1. Việc tổ chức trao tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương, Huy chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thực hiện theo quy định của Chính phủ về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về Nghi lễ Công an nhân dân.

2. Đối với các hình thức khen thưởng “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh” thì đơn vị có tập thể, cá nhân được khen thưởng chủ trì, phối hợp với Cục Công tác đảng và công tác chính trị báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an trước khi tổ chức lễ trao tặng và đón nhận.

3. Bộ trưởng Bộ Công an trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền cho các Thứ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an.

4. Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của mình.

5. Việc trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cần kết hợp thực hiện vào dịp tổ chức các hội nghị tổng kết, các ngày lễ kỷ niệm, ngày truyền thống; không tổ chức riêng lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (trừ trường hợp trao tặng hình thức khen thưởng đột xuất và khen thưởng thành tích kháng chiến).

6. Chỉ công bố, trao tặng và đón nhận một lần đối với một danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

7. Trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thứ tự từ cao đến thấp. Trường hợp cùng một hình thức khen thưởng thì trao tặng cho tập thể trước, cá nhân sau, trao tặng trước, truy tặng sau.

8. Việc tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cần tiến hành trang trọng, thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2019, thay thế Thông tư số 40/2014/TT-BCA ngày 23 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và Thông tư số 17/2015/TT-BCA ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2014/TT-BCA.

Điều 48. Tổ chức thực hiện

1. Cục Công tác đảng và công tác chính trị có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

2. Cục Kế hoạch và Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện chế độ trích lập quỹ, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng, mức chi tiền thưởng trong Công an nhân dân và phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

3. Thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an cấp tỉnh căn cứ quy định tại Thông tư này ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của cấp mình.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Công an (qua Cục Công tác đảng và công tác chính trị) để có hướng dẫn kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Ban Thi đua, khen thưởng Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo;
- Lưu: VT, V03, X03 (P6).

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Tô Lâm